

Bản án số: 21/2023/HSST

Ngày: 08 / 02 / 2023

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – T PHỐ HÀ NỘI

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Văn Hạnh

2/ Ông Đỗ Quang Khánh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Đại diện VKSND quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 298/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

**NGUYỄN THỊ THU H** - Sinh năm: 1959; Giới T: nữ. Đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Tổ 25 phường V, quận G, T phố Hà Nội. Chỗ ở: Số 38 Phước Trường 15, phường M, quận T, T phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ văn hoá: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Quang T (chết); Con bà: Lê Thị H (chết); Chồng là Lê Đ T; có 02 con, con lớn 40 tuổi, con nhỏ 36 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Danh C bản số 147 lập ngày 30/03/2022 tại Công an quận Cầu Giấy. Bắt truy nã ngày: 19/03/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại giam Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

### Người bị hại:

1/ Bà Đỗ Thu H, sinh năm 1954; Địa C: số 30 đường số 5 Khu biệt thự T, phường P, quận 7, T phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

2/ Bà Đỗ Thị Hồng C, sinh năm: 1947; Địa C: số 68B ngõ 514 phố K, phường B, quận T, T phố Hà Nội (Vắng mặt)

**Người bào chữa:** ông Lưu Văn Q, luật sư Văn phòng luật sư 365 thuộc Đoàn luật sư T phố Hà Nội. (Có mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1996, Nguyễn Thị Thu H và chồng là ông Nguyễn Đ T (sinh năm 1953, HKTT: Tổ 25, V, G, Hà Nội) cùng công tác tại Viện công nghệ sinh học thuộc Viện

khoa học Việt Nam và có đầu tư, kinh doanh tinh dầu. Để có tiền kinh doanh, H đã vay tiền của nhiều người trong và ngoài cơ quan. Đến khoảng đầu năm 2000 do tình hình kinh doanh khó khăn, H không có khả năng trả nợ và đã bỏ trốn khỏi địa pH, định cư tại Liên Bang Nga.

Ngày 10/7/2000, bà Đỗ Thu H, ông Phạm Công H, bà Ngô Bích T, bà Đỗ Thị Hồng C, ông Nguyễn Văn Đ, bà Hoàng Thị Minh C, bà Tạ Thị Kim T, ông Đái Duy B; bà Hoàng Thị T; bà Đỗ Thị L; ông Nguyễn Văn V; bà Đoàn Thị Thanh H; bà Nguyễn Thị Bích N làm đơn tố cáo Nguyễn Thị Thu H và Lê Đ T gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Cầu Giấy. Quá trình điều tra đã xác định được cụ thể như sau:

*1. Đối với đơn trình báo của bà Đỗ Thu H:* Do quen biết với gia đình bà Đỗ Thu H, Nguyễn Thị Thu H nhiều lần vay tiền với tổng số tiền khoảng 480.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền, tuy nhiên bà H chỉ cung cấp cho cơ quan công an: 01 tờ giấy một mặt ghi nội dung giấy vay tiền ngày 8/10/1999 với số tiền 20.000.000 đồng và một mặt ghi nội dung Giấy vay tiền ngày 20/10/1999 với số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay tiền, H có đưa cho bà Đỗ Thu H: 01 bản giấy tờ thể hiện quyền sở hữu ngôi nhà tổ 50, phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội. Các giấy tờ thể hiện các khoản vay còn lại do thời gian đã lâu nên hiện tại bà H không còn giữ.

Nguyễn Thị Thu H khai: Do thời gian đã lâu nên không nhớ chính xác số tiền đã vay của bà Đỗ Thu H, sau khi vay tiền, H nhiều lần trả gốc và lãi cho bà Đỗ Thu H, trước khi bỏ trốn, H còn nợ bà Đỗ Thu H khoảng 90.000.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 234 ngày 01/04/2002 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận: chữ ký chữ viết trong giấy vay tiền ngày 20/10/99 là chữ ký chữ viết của Nguyễn Thị Thu H.

Bà Đỗ Thu H không yêu cầu bị can bồi thường gì về dân sự và đề nghị cơ quan công an xử lý theo quy định pháp luật.

*2. Đối với đơn trình báo của bà Đỗ Thị Hồng C:* Từ năm 1996, Nguyễn Thị Thu H đã nhiều lần vay tiền của bà Đỗ Thị Hồng C. Đến năm 1999, do việc kinh doanh tinh dầu bắt đầu khó khăn nên H không trả được lãi suất thỏa thuận và khoản tiền gốc vay. Đến khoảng cuối năm 1999, Nguyễn Thị Thu H đã viết các giấy sau: 01 Giấy cam kết ngày 15/10/1999 gồm chữ ký của Lê Đ T và Nguyễn Thu H cam kết gửi giấy tờ mua bán, nhà đất ngõ 2 tổ 50 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội cho bà C; 01 Giấy xin thế chấp ngày 15/12/1999 gồm chữ ký của T và H với nội dung vay của bà Đỗ Thị Hồng C và chồng là Tạ Trọng T số tiền 11.500 USD và 40.000.000 đồng, gửi lại bản mua bán quyền sở hữu nhà đã mua của chị Lê Thị X, tổng số đất là 70 m<sup>2</sup> 1 nhà 2,5 tầng, có xác nhận của UBND phường Nghĩa Tân ký ngày 25/10/1997. Hứa sẽ thanh toán trước 20 ngày khi bà C cần lấy lại; 01 Bản khai mua bán quyền sở hữu nhà và công trình quyền sử dụng đất diện tích 70 m<sup>2</sup> tại tổ 50, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội. Mục đích viết giấy cam kết và thế chấp trên để đảm bảo việc bản thân có tài sản để đủ khả năng thanh toán, trả nợ. Đến khoảng đầu năm 2000, do kinh doanh khó khăn, không có khả năng trả nợ, Nguyễn Thị Thu H bỏ

trốn khỏi địa phương. Số tiền H còn nợ bà C trước khi bỏ trốn là 196.000.000 đồng. Bà C yêu cầu H trả lại số tiền trên.

Theo kết luận giám định số 234 ngày 01/4/2002 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an T phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, ghi tên Nguyễn Thu H trên Giấy cam kết ngày 15/10/1999 và Giấy xin thế chấp ngày 15/12/1999; 01 bản khai mua bán quyền sở hữu nhà ngày 24/10/1997 so với chữ ký chữ viết của Nguyễn Thị Thu H là do cùng một người ký.

Nguyễn Thị Thu H khai đã nhận tiền của bà C từ năm 1996 để hùn vốn kinh doanh tinh dầu và H vẫn trả lãi như cam kết. đến khi kinh doanh thua lỗ, H đã viết giấy vay nợ bà Đỗ Thị Hồng C và giao giấy tờ nhà làm tin về khả năng trả nợ của H. Trước khi bỏ trốn, H còn nợ bà C khoảng 196.000.000 đồng.

Xác minh nguồn gốc căn nhà số 98B ngõ 2 Tổ 50 Nghĩa Tân nay là Số 5 ngách 79/25 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Sỹ C (sinh năm 1957, HKTT: Số 5 ngách 79/25 C, T, G, Hà Nội). Ông C khai: mảnh đất và ngôi nhà do bố mẹ đẻ ông C (nay đã mất) mua của người tên H (nay không xác định được địa chỉ). Việc mua bán cụ thể như thế nào ông C không biết. Xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, quận Cầu Giấy về nguồn gốc căn nhà trên, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cung cấp tài liệu Hợp đồng tặng cho giữ bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Sĩ C; Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C năm 2009 đối với mảnh đất số 5 ngách 79/25 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, ngoài ra không lưu giữ tài liệu trước đó. Xác minh tại UBND phường Nghĩa Tân cho biết: Để xác nhận giấy mua bán đất, UBND phường Nghĩa Tân làm ba bản chính trong đó người mua là Nguyễn Thị Thu H, người bán là Lê Thị X và Ủy Ban phường Nghĩa Tân, mỗi người giữ bản chính.

3. Đối với đơn trình báo của 7 người bị hại, gồm: ông Phạm Công H, ông Nguyễn Văn V, bà Tạ Thị Kim T, ông Đái Duy B, bà Hoàng Thị T, bà Đoàn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Bích N. Kết quả điều tra thể hiện: Nguyễn Thị Thu H vay của ông Phạm Công H (sinh năm 1962, HKTT: TDP L, thị trấn Q, G, Hà Nội) số tiền 139.000.000 đồng và 6.000USD, trả lãi 2% tháng; vay của ông Nguyễn Văn V (sinh năm 1961, HKTT: Tổ dân phố H, C, L, Hà Nội) 3.000 USD; vay của bà Tạ Thị Kim T (sinh năm 1951, HKTT: Số 4, ngách 97 ngõ 188 H, L, B, Hà Nội) số tiền 73.800.000 đồng; vay của ông Đái Duy B (sinh năm 1939, HKTT: H, G, Hà Nội) 3.000 USD; vay của bà Hoàng Thị T (sinh năm 1949, HKTT: Số 17 ngõ 15 Q, tổ 25 Đ, G, Hà Nội) số tiền 60.000.000 đồng; còn nợ bà Đoàn Thị Thanh H (sinh năm 1974, HKTT: Phòng 2906 D2, X, L, T, Hà Nội) số tiền 19.225.000 đồng; vay của bà Nguyễn Thị Bích N (sinh năm 1961, HKTT: Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội) số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Do thời gian đã lâu, hiện tại ông H, ông V, bà T, ông B, bà T, bà H và bà N không còn lưu giữ giấy tờ thể hiện việc vay tiền, cũng không nhớ chính xác số tiền đã vay và sau khi vay, có người H đã thanh toán, trả nợ cả gốc và lãi, có người H xin miễn tiền còn nợ. Hiện ông H, bà T, ông V, bà T, ông B, bà T, ông V, bà H và bà N không có yêu cầu gì về dân sự đối với Nguyễn Thị Thu H nên không có căn cứ để xem xét

4. *Đối với nội dung đơn của ông Nguyễn Văn Đ:* (sinh năm 1960, HKTT: Hoàng Hoa Thám, Công Vị, Ba Đình, Hà Nội) cho Nguyễn Đ T vay 100.000.000 đồng vào ngày 10/6/1996 và bà Hoàng Thị Minh C (sinh năm 1961, HKTT: P603, 57 V, phường L, Đ, Hà Nội) cho T vay 6.000 USD vào năm 1998. Quá trình điều tra xác định người vay tiền của ông Đ và bà C là Nguyễn Đ T và T là người trực tiếp ký tên trên giấy vay tiền. Xác minh tại phường Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội: Nguyễn Đ T có HKTT tại 255/37 G, Tổ 25, phường V, Cầu Giấy, Hà Nội nhưng hiện không sinh sống tại địa phương. Nguyễn Thị Thu H khai: H không quen biết ông Đ và bà C, khoản nợ trên là do Nguyễn Đ T vay, H không biết. Do vậy, cơ quan công an không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H trong vụ việc trên. (Giấy tờ vay chỉ có tên chồng của bị cáo).

5. *Đối với nội dung trình báo của bà Ngô Bích T:* (HKTT: 120 M, B, Hà Nội) về việc cho vợ chồng H vay số tiền 200.000.000 đồng vào tháng 2 năm 1999. Xác minh tại phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội: Tại địa chỉ trên không có ai tên là Ngô Bích T đăng ký thường trú và sinh sống nên cơ quan công an không có căn cứ làm rõ. (Không xác định được người bị hại đang ở đâu).

6. *Đối với nội dung trình báo của bà Đỗ Thị L* (sinh năm: 1959, ĐKHKT: Phòng 327-C5 T, G, Hà Nội) về việc cho vợ chồng H vay số tiền 48.000.000 đồng. Xác minh tại phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội: Hiện bà L đang sinh sống tại Pháp, gia đình không rõ địa chỉ hiện tại của bà L ở đâu, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy không có căn cứ để làm rõ.

Ngày 19/03/2022, Nguyễn Thị Thu H bị phòng PC02- CATP Đà Nẵng bắt theo quyết định truy nã. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thu H khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

H khai: Việc H viết giấy thế chấp và đưa Bản khai mua bán quyền sở hữu nhà, công trình và quyền sử dụng đất tại số 98B ngõ 2 Tổ 50 Nghĩa Tân cho bà Đỗ Thu H và bà Đỗ Thị Hồng C nhằm mục đích để bà H và bà C tin tưởng khả năng trả nợ của H. Tháng 4/2002 H đã đi sang Nga định cư làm việc và không liên hệ với gia đình. Năm 2014 H về nước và sinh sống tại Đà Nẵng. Tổng số tiền H chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Hồng C và bà Đỗ Thu H là 286.000.000 đồng. Về quá trình chuyển nhượng mảnh đất số 98B ngõ 2 Tổ 50 Nghĩa Tân, H khai không biết cho đến khi năm 2014 quay về Việt Nam nghe người nhà kể lại đã bán để trả nợ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy thu giữ của H: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu H; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung. Đây là tài sản cá nhân của H, không liên quan đến vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 277/CT-VKSCG ngày 28/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cấp tài sản theo quy định khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự để bồi thường thay cho bị cáo. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản và đề nghị áp dụng khoản 3 điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo H từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù. Về bồi thường dân sự: Do bà Đỗ Thu H không yêu cầu bị cáo trả số tiền 90.000.000 đồng tiền vay, nên không xem xét. Đối với yêu cầu bồi thường dân sự của bà Đỗ Thị Hồng C là chính đáng nên đề nghị chấp nhận và trả số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp thay bị cáo cho bà C. Người bào chữa đề nghị Tòa án xem xét ý thức chủ quan của bị cáo khi việc bị cáo nhận tiền của những người bị hại đều là góp vốn kinh doanh tinh dầu, nhưng do có thay đổi chính sách nên toàn bộ vốn đều là hàng hóa không tiêu thụ được. Việc bị cáo ra nước ngoài do suy nghĩ đơn giản là đi làm ăn lấy tiền trả nợ dẫn đến việc bị Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã mà không biết. Thời gian ra nước ngoài, bị cáo cũng vẫn gửi tiền trả dần nợ cho những người khác. Nay bị cáo đã cao tuổi, sức khỏe yếu nên luật sư đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 10/1999, Nguyễn Thị Thu H đã vay tiền của các đồng nghiệp tại Trun tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia thuộc Viện khoa học Việt Nam địa chỉ tại đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội là các bà Đỗ Thu H và Đỗ Thị Hồng C để kinh doanh, nhưng do mất khả năng thanh toán nên đã bỏ trốn khi đang còn nợ bà Đỗ Thu H số tiền 90.000.000 đồng và bà Đỗ Thị Hồng C số tiền 196.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, chồng của bị cáo là Nguyễn Đ T là người cùng làm ăn kinh doanh, cùng viết giấy vay nợ với bị cáo, khi bị cáo bỏ trốn cũng đã đi khỏi nơi cư trú nên cũng có dấu hiệu tội phạm. Nay do đã hết thời hiệu xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Đ T, nên Hội đồng xét xử không kiến nghị cơ quan điều tra xem xét xử lý.

Đối với nội dung tố cáo của các ông, bà Phạm Công H, Nguyễn Văn V, Tạ Thị Kim T, Đái Duy B, Hoàng Thị T, Đoàn Thị Thanh H và Nguyễn Thị Bích N do thời gian đã lâu và việc vay nợ không có tài liệu chứng minh; trong quá trình vụ án tạm

đình chỉ, bị cáo đã trả tiền và nay những người này không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo và không yêu cầu bồi thường dân sự nên việc Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy không truy tố bị cáo đối với việc vay nợ của những người này là có căn cứ.

[3] Xét về T chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bị cáo là người đã trưởng T, có đầy đủ nhận thức về hành vi, được những người bị hại tin tưởng cho vay tiền để kinh doanh, nhưng khi mất khả năng thanh toán đã đi khỏi nơi cư trú để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, xét thấy cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo giáo dục đối với bị cáo.

[4] Tình tiết giảm nhẹ hình phạt và hình phạt bổ sung: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét việc bị cáo có thái độ khai báo khai báo T khẩn, ăn năn hối cải, đã vận động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả và nay đã cao tuổi.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự: Do người bị hại là bà Đỗ Thu H không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự đối với số tiền bị cáo còn nợ, nên cần buộc bị cáo phải truy nộp tiền do phạm tội mà có là 90.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Đối với yêu cầu bồi thường của bà Đỗ Thị Hồng C là quyền lợi chính đáng của người bị hại nên cần chấp nhận. Trả cho bà C số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp thay cho bị cáo. Như vậy bị cáo còn có nghĩa vụ phải trả bà C số tiền 166.000.000 đồng và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định.

[6] Đối với vật chứng thu được là căn cước công dân và điện thoại thu được của bị cáo là giấy tờ nhân thân và tài sản của bị cáo, không có giá trị và không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Do bị cáo thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.**

**\*Áp dụng:** Khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: NGUYỄN THỊ THU H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù T từ ngày 19/03/2022.

**\*Áp dụng:** điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Biên lai thu số 13999 ngày 06/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy cho bà Đỗ Thị Hồng C.

- Trả lại 01 Căn cước công dân và 01 chiếc điện thoại kiểu dáng Samsung màu đồng cho Nguyễn Thị Thanh H. Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên bản giao nhận vật chứng số 62/GN/THA-CA ngày 02/12/2022.

- Buộc bị cáo truy nộp số tiền 90.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

**\* Áp dụng:** Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà Đỗ Thị Hồng C số tiền 166.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**\* Áp dụng:** Các điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận bản án:**

- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cầu Giấy + HN;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Cầu Giấy + HN;
- Chi cục THADS Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng TAND quận Cầu Giấy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Vân**